

# CHÍNH SÁCH MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA NHẬT BẢN TRONG NỬA SAU NHỮNG NĂM 50 CỦA THẾ KỶ XIX

PGS. TS NGUYỄN VĂN TẬN

*Đại học Khoa học Huế*

Mở cửa và hội nhập là con đường mà Nhật Bản đã lựa chọn cách đây 150 năm về trước. Nhờ đó, Nhật Bản đã thành công trong công cuộc đổi mới và canh tân đất nước đưa Nhật Bản tiến kịp các nước tư bản Âu - Mỹ và trở thành cường quốc trong khu vực. Tìm lời giải cho vấn đề này âu cũng là một việc làm hữu ích giúp chúng ta không những hiểu rõ về một nước Nhật trong quá khứ mà còn nhận diện được một nước Nhật trong thời điểm hiện tại và tương lai.

### 1. Bắt đầu từ sự nhượng bộ các nước phương Tây

Đến những năm 50 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã trở thành hệ thống thế giới. Các cường quốc tư bản Âu - Mỹ bắt đầu mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình ra khắp các châu lục trên thế giới bằng các cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa. Châu Á nói chung và Nhật Bản nói riêng không nằm ngoài tầm ngắm của các nước tư bản phương Tây.

Ngày 15 tháng 7 năm 1853, một hạm đội hải quân của Mỹ bao gồm 4 chiến thuyền do đô đốc Matthew Calbraith Perry chỉ huy đã đến cảng Uraga (thuộc vịnh Tokyo) yêu cầu Nhật Bản mở cửa. Nhận thấy sự yếu kém của mình trước sự vượt trội về khoa học - kỹ thuật của các

nước phương Tây, chính quyền phong kiến Nhật Bản buộc phải dùng kế hoãn binh hẹn đến năm sau mới trả lời. Đúng hẹn, vào năm 1854, đô đốc hải quân Matthew Calbraith Perry chỉ huy 8 chiến thuyền trở lại Nhật Bản yêu cầu chính quyền phong kiến Nhật đáp ứng những đòi hỏi do Hoa Kỳ đề nghị. Lần này, chính quyền Bakufu (Mạc Phủ) lượng biết được sức mình không thể đương đầu nổi trước sức mạnh quân sự của Mỹ nên đã nhượng bộ, ký kết điều ước Kanagawa với Mỹ. Nội dung của điều ước Kanagawa bao gồm 5 điểm, trong đó có 3 điểm đáng chú ý là việc Nhật Bản cho phép tàu thuyền của Mỹ đến giao lưu buôn bán ở cảng Hakodate, được phép đặt lãnh sự quán và được hưởng các quyền lợi ưu đãi hơn các nước phương Tây khác. Sau sự nhượng bộ của Nhật Bản đối với Mỹ, các nước thực dân khác như Anh, Nga và Hà Lan đã gây áp lực buộc chính quyền phong kiến Nhật Bản phải ký kết với các nước này các điều ước với những nội dung tương tự như nội dung mà Nhật Bản đã ký với Hoa Kỳ.

Việc Nhật Bản mở cửa với nhiều nước đã làm cho các nước thực dân phương Tây không bằng lòng cho nên hầu hết các nước này đều gây áp lực

buộc chính quyền phong kiến Nhật Bản trao cho họ nhiều quyền lợi hơn nữa.

Trước sức ép ngày càng gia tăng của các nước phương Tây, một lần nữa Nhật Bản lại buông lỏng khí giới chấp nhận mở rộng cửa cho các nước Âu - Mỹ.

Năm 1858, điều ước thông thương Nhật - Mỹ được ký kết với những điều khoản hoàn toàn bất lợi cho Nhật Bản, trong đó đáng chú ý nhất là điều khoản thứ 4 và thứ 5 cho phép Mỹ được hưởng những đặc quyền về ngoại giao và quan thuế, các nước Hà Lan, Nga, Anh và Pháp cũng yêu cầu Nhật Bản trao cho họ những đặc quyền như trên.

Điều cần lưu ý ở đây là, trong lần nhượng bộ đầu tiên chính quyền Mạc Phủ đã thăm dò phản ứng của các tầng lớp và giai cấp trong xã hội kể cả Thiên hoàng Komei. Thế nhưng do có nhiều ý kiến trái ngược nhau và các giải pháp đưa ra không có tính khả thi nên chính quyền phong kiến Nhật Bản chấp nhận lùi bước trước yêu cầu của các tầng lớp và giai cấp trong xã hội kể cả Thiên hoàng Komei. Thế nhưng do có nhiều ý kiến trái ngược nhau và các giải pháp đưa ra không có tính khả thi nên chính quyền phong kiến Nhật Bản chấp nhận lùi bước trước yêu cầu của các nước phương Tây. Còn trong lần nhượng bộ thứ hai, chính quyền Mạc Phủ đã bất chấp sự phản đối của phái chủ trương chống lại Tây phương cũng như không cần tham khảo ý kiến của Thiên hoàng nên đã vấp phải một làn sóng phản đối trong quảng đại quần chúng nhân dân. Một số vương quốc Tây - Nam, nơi có nền kinh tế hàng hóa phát triển đã nhận cơ hội đó muốn phục hồi lại quyền lực cho Thiên hoàng để tiến hành cuộc đấu tranh loại trừ ảnh hưởng của các nước phương Tây. Vì vậy, khẩu hiệu mà các vương quốc Tây - Nam nêu lên lúc đầu là "Tôn vương nhường di". Tuy nhiên,

do không nhận được sự ủng hộ của chính quyền Mạc Phủ nên về sau khẩu hiệu "Tôn vương nhường di" mang một nội dung hoàn toàn mới với nghĩa là lật đổ chính quyền Mạc Phủ. Đây là cơ sở, tiền đề dẫn đến sự xung đột giữa chính quyền Mạc Phủ với các lực lượng chống đối ở các vương quốc Tây - Nam đưa đến sự thành công của cuộc cách mạng tư sản Nhật (1868).

## **2. Đến cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền Mạc Phủ mở đường cho Nhật Bản tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế**

Ngay trong thời kỳ thống trị của chính quyền Mạc Phủ, Thiên hoàng Komei đã hai lần đứng ra giàn xếp mối quan hệ căng thẳng giữa các vương quốc Tây - Nam với chính quyền Mạc Phủ trong việc thực thi chính sách chống lại các nước phương Tây. Lần thứ hai là vào năm 1860 khi chính quyền Mạc Phủ chủ trương liên kết với Thiên hoàng để xoa dịu sự chống đối của các vương quốc Tây - Nam. Thiên hoàng muốn nhân cơ hội này lôi kéo chính quyền Mạc Phủ đứng về phía mình để chống lại các nước thực dân phương Tây nên đã chấp nhận đóng vai trò trung gian, hòa giải trong quan hệ giữa các vương quốc Tây - Nam với chính quyền Mạc Phủ. Thế nhưng, ý định của Thiên hoàng đã không thực hiện được. Trong lần thứ hai, chính quyền Mạc Phủ chấp nhận lời đề nghị của Thiên hoàng và dự tính ngày 10 - 5 - 1863 sẽ tiến hành cuộc đấu tranh loại trừ ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Sau khi đạt được sự nhất trí, các vương quốc Tây - Nam đã tấn công vào các tàu thuyền của các nước ngoài đi qua eo biển Shimoioseki. Do tương quan lực lượng chênh lệch nên trong cuộc chiến tranh với các tàu thuyền của phương Tây, các vương quốc Tây - Nam

dành chấp nhận thất bại. Sau sự kiện trên, các vương quốc Tây - Nam đã thay đổi lập trường chống phương Tây bằng cách dựa vào phương Tây để hiện đại hóa lực lượng quân đội theo mô hình các nước phương Tây. Trước sự lớn mạnh của các vương quốc Tây - Nam, chính quyền Mạc Phủ cũng thấy cần thiết phải dựa vào Pháp để tăng cường sức mạnh quân sự nên đã nhượng bộ Pháp trong nhiều vấn đề liên quan đến lợi ích và chủ quyền dân tộc. Cụ thể là chính quyền Mạc Phủ sẵn sàng cho phép các công ty của Pháp nắm độc quyền về khai mỏ, xây dựng đường xe lửa và nắm độc quyền về buôn bán tơ sợi. Chính sách thỏa hiệp của chính quyền Mạc Phủ đối với thực dân Pháp làm cho Nhật Bản có nguy cơ trở thành thuộc địa của Pháp đã gây nên sự chống đối kịch liệt của các vương quốc Tây - Nam, Đến lúc này, chính quyền Mạc Phủ đã trở thành vật cản đối với sự phát triển đất nước. Chính vào thời điểm hết sức nhạy cảm đó thì Thiên hoàng Komei qua đời.

Người kế vị Komei là thái tử Mutsuhito mới 15 tuổi nhưng lại là người ủng hộ các vương quốc Tây - Nam nên đã cho phép các vương quốc Tây - Nam tiến hành cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền Mạc Phủ.

Tháng 1 năm 1868, các vương quốc Tây - Nam (chủ yếu là vương quốc Choshu và Satsuma) giành được thắng lợi quyết định ở Sekigahara nơi mà 268 năm trước đó Tokugawa Ieyasu đã đánh thắng hai vương quốc trên để sáng lập ra chế độ Mạc Phủ của dòng họ Tokugawa. Ngày 3 tháng 1 năm 1868, chính quyền mới của Thiên hoàng được thành lập, mở đầu cho một kỷ nguyên mới trong lịch sử Nhật Bản - kỷ nguyên Minh Trị (1868 - 1912).

Điều cần phải nhận thấy là sau khi lên nắm quyền vào năm 1868, chính

quyền Minh Trị đã nhận thức được sự cần thiết phải canh tân đất nước để đủ sức đối trọng với các nước phương Tây bảo toàn chủ quyền dân tộc và tiến đến bình đẳng với các cường quốc Âu - Mỹ. Phương châm của Chính phủ Nhật Bản sau năm 1868 là *phủ quốc cường binh*. Thế nhưng để cho công cuộc canh tân đất nước thành công, Chính phủ Minh Trị đã biết dựa vào những ưu thế vượt trội về khoa học kỹ thuật của các nước phương Tây, hòa nhập với các nước phương Tây để phát triển đất nước. Đúng như Edwin O. Reischauer nhận xét "Một số người Nhật đã nhận thức ngay từ đầu là cách tự vệ duy nhất chống lại phương Tây là tận dụng kỹ thuật, kinh tế và sự bình đẳng chính trị với họ"<sup>1</sup>. Vì vậy, trong điều thứ 5 của 5 lời thề mà nhà vua Minh Trị đã công bố vào tháng 4 năm 1868 đã ghi rõ là "*phải tiếp thu văn minh phương Tây để chấn hưng đất nước*". Cho nên không phải ngẫu nhiên mà chính quyền Minh Trị đã đề ra khẩu hiệu: "*học hỏi phương Tây, đuổi kịp phương Tây và cuối cùng là vượt phương Tây*". Chính đây là điểm mở đầu cho chúng ta hiểu rõ sự thay đổi trong thái độ ứng phó của Nhật Bản đối với các nước phương Tây thời kỳ trước và sau năm 1868; từ chỗ nhượng bộ của chính quyền Mạc Phủ đến chủ trương chống lại các nước phương Tây của các vương quốc Tây - Nam và cuối cùng chuyển sang hoà nhập với phương Tây và chính quyền Minh Trị.

Tháng 11 năm 1871, Thiên hoàng Minh Trị cử một phái đoàn bao gồm 48 nhân vật cao cấp của Nhật Bản sang viếng thăm các nước Âu - Mỹ với mục đích yêu cầu các chính phủ Âu - Mỹ sửa đổi các điều khoản bất bình đẳng mà trước đây chính quyền Mạc Phủ đã ký

<sup>1</sup> Reischauer, E. O: *Người Nhật*, Cambridge, Mass; Trường Tổng hợp Harvard xuất bản, tr. 80.

với các nước phương Tây. Mặc dù mục đích thuyết phục các nước Âu - Mỹ sửa đổi nh ng điều khoản liên quan đến đặc quyền về quan thuế và ngoại giao không thành nhưng bù lại, phái đoàn của chính quyền Minh Trị được tận mắt chứng kiến sự thay đổi trong đời sống chính trị và sự phát triển vượt bậc của nền công nghiệp các nước phương Tây. Trước tình hình đó, chính quyền Minh Trị đã chủ trương thiết lập mối quan hệ với nhiều nước, mời chuyên gia và cố vấn nước ngoài cũng như gửi sinh viên sang học tập ở các nước Âu - Mỹ. Với phương châm trên, trong quá trình thực hiện canh tân đất nước Chính phủ Minh Trị đã áp dụng chính sách đa mô hình hóa dựa trên tính ưu việt của mỗi nước thích ứng với từng lĩnh vực và từng thời kỳ nhất định. Theo đó, trong vấn đề hiện đại hóa quân đội thì Nhật Bản đã xây dựng lực lượng bộ binh theo mô hình của Pháp, nhưng về hải quân thì theo mô hình của Anh. Thế nhưng, sau năm 1885, mô hình bộ binh của Đức đã thay thế cho mô hình bộ binh của Pháp. Trong lĩnh vực giáo dục, Chính phủ Minh Trị về cơ bản dựa vào nền giáo dục của Pháp, Nhật Bản chủ yếu sử dụng dân luật của Pháp nhưng về hình luật lại dựa vào hình luật của Đức. Trong lĩnh vực công nghiệp, tùy theo ưu thế của mỗi nước mà Chính phủ Minh Trị áp dụng cho phù hợp chứ không rập khuôn một cách cứng nhắc vào bất kỳ lĩnh vực nào của bất kỳ nước nào. Chẳng hạn, trong lĩnh vực công nghiệp, Nhật Bản đã sử dụng 290 kỹ sư của các nước Âu - Mỹ làm việc ở Bộ Công nghiệp, thế nhưng chỉ có các kỹ sư người Anh mới được giao trọng trách xây dựng đường xe lửa Tokyo - Yokohama. Về cơ cấu tổ chức nhà nước, lúc đầu, Nhật Bản dựa theo thể chế chính trị kiểu Mỹ với ba quyền phân lập là lập pháp, hành pháp và tư pháp, song về sau Nhật Bản lại dựa vào mô

hình nhà nước quân chủ lập hiến của Đức.

Trong vấn đề sử dụng chuyên gia nước ngoài, Chính phủ Minh Trị vẫn tuân thủ một cách triệt để các nguyên tắc trên cho nên trong số 3000 chuyên gia sang làm việc tại Nhật Bản có đầy đủ chuyên gia của các nước Âu - Mỹ. Chỉ tính riêng trong ngành giáo dục đã có 170 giáo sư của các nước Anh, Đức, Pháp và Mỹ làm việc trong các ngành khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên. Bên cạnh thuê các chuyên gia nước ngoài, Chính phủ Minh Trị còn gửi sinh viên Nhật sang du học ở các nước Âu - Mỹ. Đến năm 1873, Chính phủ Minh Trị đã gửi sang các nước phương Tây 373 sinh viên, trong đó tập trung nhiều nhất là ở hai nước Anh và Mỹ.

Sau khi đã xây dựng được nền móng vững chắc cho sự phát triển đất nước, Chính phủ Minh Trị bắt đầu giảm dần số lượng chuyên gia nước ngoài tại Nhật Bản. Đến năm 1879, số lượng kỹ sư nước ngoài làm việc tại Bộ Công nghiệp giảm xuống còn 130 người và đến nh ng năm cuối thế kỷ XIX, các kỹ sư Nhật Bản đã hoàn toàn thay thế các kỹ sư của các nước Âu - Mỹ.

Trên bình diện văn hóa - xã hội, Chính phủ Minh Trị chủ trương tiếp thu văn minh phương Tây đã tạo nên một sự biến đổi sâu rộng trong xã hội Nhật Bản. Từ nh ng tòa nhà cao tầng được xây dựng theo kiến trúc phương Tây cho đến cách ăn mặc Âu phục, đi giày da, đội mũ, đàn ông cắt tóc ngắn đã trở thành một biểu tượng văn minh ở Nhật Bản. Sự thay đổi thể hiện rõ nét nhất ở trong con người của Hoàng đế Minh Trị. Theo lời của đại sứ Anh Hamy Park thì khi người ta đưa Minh Trị vào cung điện Kyoto thì ông ta “thấy một chú bé 15 tuổi, tràm găm trắng với chiếc quần màu đỏ, răng đen, lông mày cạo nhẵn rồi vẽ lên đó

những vòng cung. Thế nhưng, chỉ vài năm sau, Minh Trị đã thay đổi cách ăn mặc theo kiểu cách phương Tây như đeo mê day và găng tay trắng, để ria mép và trở thành một nhà lãnh đạo đầy ấn tượng và hữu ích<sup>2</sup>

Với những sự thay đổi trên, đến những năm 80 của thế kỷ XIX, Chính phủ Minh Trị thấy đã đến lúc các nước Âu - Mỹ phải trả lại sự bình đẳng cho Nhật Bản. Vì vậy, vào năm 1868, Nhật Bản đã đứng ra tổ chức hội nghị để thương lượng với các nước tư bản phương Tây sửa đổi những điều khoản bất bình đẳng mà Nhật Bản đã ký trong thời kỳ cuối của dòng họ Tokugawa. Kết quả của hội nghị, Nhật Bản chỉ đòi lại được các quyền lợi về quan thuế, còn quyền lãnh sự tài phán vẫn nằm trong tay các nước Âu - Mỹ. Ngoài ra, các nước tư bản phương Tây còn được phép tự do đi lại trên lãnh thổ của Nhật. Điều cần thấy, khi đó tình hình quốc tế cuối thế kỷ XIX ngày càng trở nên căng thẳng, đặc biệt, mâu thuẫn giữa Anh - Nga liên quan đến quyền lợi của hai nước này tại Viễn Đông càng trở nên sâu sắc. Lợi dụng tình hình đó Nhật Bản tiến hành các cuộc đàm phán riêng rẽ với từng nước thực dân phương Tây mà trước hết là đối với thực dân Anh. Lúc này, nước Anh thấy cần thiết phải có đồng minh ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nên đã chấp nhận ký hiệp ước với Nhật Bản để không những bảo đảm quyền lợi của Anh ở Viễn Đông mà còn thúc đẩy Nhật Bản tiến hành chiến tranh với Trung Quốc nhằm làm cho Trung Quốc suy yếu tạo điều kiện thuận lợi cho Anh xâm xé Trung Quốc. Với những toan tính đó, ngày 16 - 7 - 1894, hiệp ước Anh - Nhật được ký kết. Theo nội

dung của bản hiệp ước thì đến năm 1899, các quyền lợi về sự tài phán của Anh hoàn toàn bị xóa bỏ, Nhật Bản được quyền tự chủ về quan thuế. Ngoài ra, hai nước còn đạt được sự nhất trí trong vấn đề thông thương và hàng hải.

Tiếp sau Anh, một loạt nước tư bản phương Tây khác như Mỹ, Nga, Đức, Pháp đều lần lượt ký kết với chính quyền Minh Trị những điều ước tương tự, chấp nhận triệt hồi đặc quyền ngoại giao vào năm 1899 và phục hồi hoàn toàn chủ quyền về quan thuế cho Nhật Bản vào năm 1911. Tất cả những điều đó đã làm cho Nhật Bản trở thành nước duy nhất ở châu Á không những bảo toàn được chủ quyền dân tộc mà còn mở rộng được phạm vi ảnh hưởng của mình đối với các nước trong khu vực cũng như nâng cao vị thế của Nhật Bản trên trường quốc tế.

\*

\* \*

Nhìn lại lịch sử Nhật Bản nửa sau những năm 50 của thế kỷ XIX chúng ta thấy 2 thời kỳ trong lịch sử phát triển của đất nước Nhật Bản thích ứng với 2 giai đoạn mở cửa và hội nhập quốc tế của chính quyền Mạc Phủ và chính quyền Minh Trị. Trong đó, giai đoạn từ 1853 đến 1868 là giai đoạn Nhật Bản chấp nhận nhượng bộ các nước phương Tây thông qua việc ký kết các hiệp ước bất bình đẳng. Đây là giai đoạn các nước phương Tây đã hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp (Anh, Pháp) hoặc đang trên con đường tiến hành công nghiệp hóa (Đức, Mỹ) đang rất cần thị trường phục vụ cho các ngành công nghiệp ở trong nước nên đã tìm mọi cách bành trướng sang các nước Á, Phi, Mỹ - La tinh. Ở châu Á, các nước lớn như Trung Quốc, Ấn Độ cũng không thoát khỏi xu hướng bị thực dân hóa. Trong hoàn cảnh đó, chính quyền phong

<sup>2</sup> Dẫn theo Arthur M, Whitehii: *Quản lý Nhật Bản: Truyền thống và quá độ*, NXB KHXH Hà Nội, 1996, trang 38, 39.

kiến Nhật Bản đã lựa chọn giải pháp mở cửa với nhiều nước nhằm đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế giúp cho Nhật Bản tránh được nguy cơ đối đầu trực tiếp với các nước phương Tây. Vào thời điểm đó, Nhật Bản không có cách lựa chọn nào khác, dẫu rằng sự lựa chọn đó đã làm cho tình hình chính trị, xã hội của Nhật Bản ngày càng trở nên phức tạp. Đúng như lời nhận xét của J.E. Hoare “Việc ký kết hiệp ước đã đưa Nhật Bản đến cuộc khủng hoảng... nhưng Nhật Bản không còn sự lựa chọn nào khác bởi vì nó chưa đủ mạnh để chống lại phương Tây”<sup>3</sup>. Sự thất bại của các vương quốc Tây - Nam trong cuộc chiến tranh với các nước phương Tây năm 1863 đã làm cho các vương quốc này thay đổi thái độ từ chỗ chống phương Tây sang học hỏi phương Tây, củng cố tiềm lực quốc phòng và hiện đại hóa đất nước. Trong khi đó, chính quyền Mạc Phủ lại lao sâu vào con đường thỏa hiệp với thực dân Pháp đã làm cho mâu thuẫn giữa các vương quốc Tây - Nam với chính quyền Mạc Phủ trở nên gay gắt. Hệ quả của nó là đã đưa đến sự bùng nổ cuộc cách mạng tư sản Nhật và sự thắng lợi của các vương quốc Tây - Nam (1868) mở đường cho Nhật Bản tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế.

Giai đoạn hai từ 1868 - 1899 là giai đoạn Nhật Bản tiến hành công cuộc canh tân đất nước trên cơ sở tham gia vào quá trình hội nhập với phương Tây để từ đó tạo ra được sức mạnh buộc các nước phương Tây xóa bỏ các điều khoản bất bình đẳng đưa nước Nhật đứng vào hàng ngũ của các cường quốc tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn này, chính quyền

Minh Trị đã biết tận dụng những lợi thế của các nước tư bản Âu - Mỹ để phục vụ cho công cuộc canh tân đất nước. Chính sách đa mô hình hóa dựa trên cơ sở tiếp thu, chắt lọc những tinh hoa của mỗi nước được chính quyền Minh Trị áp dụng trong những năm cuối thế kỷ XIX. đã cho phép Nhật Bản không những giữ được thế cân bằng trong mối quan hệ với các cường quốc tư bản phương Tây mà còn bảo toàn được chủ quyền dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Rõ ràng là xu thế mở cửa và hội nhập quốc tế là xu thế chiếm vị trí chủ đạo trong lịch sử phát triển của đất nước Nhật Bản nửa sau những năm 50 của thế kỷ XIX. Tuy nhiên, tùy theo từng thời điểm, từng lúc, từng nơi xu thế đó được biểu hiện dưới những sắc thái khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau dẫn đến cuộc đấu tranh loại trừ lẫn nhau để mở đường cho sự thành công của quá trình hội nhập. Với sự thành công của Nhật Bản trong chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế nửa sau những năm 50 của thế kỷ XIX cho phép chúng ta có thể khẳng định rằng việc mở cửa và hội nhập dựa trên thực lực của đất nước đó là con đường duy nhất đúng để đưa sự nghiệp canh tân đất nước đi đến thành công.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1, Arthur M, WWhitehill. “*Quản lý Nhật Bản - truyền thống và quá độ*”, NXB KHXH, Hà Nội, 1996.

2, Nguyễn Văn Kim: “*Nhật Bản với châu Á - những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*”, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2003.

3, Reischauer, E, O: “*Người Nhật*” Cambridge, Mass; Trường Tổng hợp Harvard xuất bản, 1997.

4, Vĩnh Sinh. “*Nhật Bản cận đại*”, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1991.

<sup>3</sup> Dẫn theo Nguyễn Văn Kim: “*Nhật Bản với châu Á - những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*” NXB ĐHQG, Hà Nội, 2003, trang 468.